

DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN MỞ
HK2(2023-2024)

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Sĩ số tối thiểu	Sĩ số tối đa	Trạng thái	Lớp dự kiến	Khoa chủ quản	Ghi chú
1	030100060201	0301000602	An ninh hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Khai thác Hàng không	
2	011100008101	0111000081	An toàn hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Kinh tế Hàng không	
3	030100008101	0301000081	An toàn hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
4	030100101701	0301001017	An toàn hàng không, an toàn sân đỗ	3	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
5	010800060401	0108000604	An toàn sân đỗ	3	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Khai thác Hàng không	
6	030100060401	0301000604	An toàn sân đỗ	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Khai thác Hàng không	
7	011100020001	0111000200	Angten truyền sóng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
8	011100020002	0111000200	Angten truyền sóng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
9	011100063501	0111000635	Bán đồ hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
10	010100012801	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	
11	010100012802	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	
12	010100012803	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	
13	010100012804	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	
14	010100012805	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
15	010100012806	0101000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
16	010200012801	0102000128	Bảo hiểm hàng không	2	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
17	010100148001	0101001480	Bảo hiểm vận tải	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	
18	010100148002	0101001480	Bảo hiểm vận tải	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ02	Khoa Kinh tế Hàng không	
19	030100024301	0301000243	Bảo vệ hiện trường	2	30	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
20	011100089101	0111000891	Cảm biến	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
21	011100089102	0111000891	Cảm biến	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
22	010800066501	0108000665	Cánh quạt tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
23	011100073101	0111000731	Chuyên đề 2	3	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
24	011100073102	0111000731	Chuyên đề 2	3	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
25	010800029201	0108000292	Chuyên đề 3-KTHK	2	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
26	010100159001	0101001590	Chuyên đề Kinh tế du lịch	1	10	20	Đã khóa	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Lop riêng
27	010800062901	0108000629	Cơ học bay	3	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	

28	011100105701	0111001057	Cơ học bay 1	2	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
29	011100105702	0111001057	Cơ học bay 1	2	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
30	030100062001	0301000620	Cơ học thủy khí	2	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
31	011100065901	0111000659	Cơ học và tính năng tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
32	011100065902	0111000659	Cơ học và tính năng tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
33	011100065903	0111000659	Cơ học và tính năng tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
34	030100065901	0301000659	Cơ học và tính năng tàu bay	3	25	40	Đang lên kế hoạch	22CĐKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
35	011100014801	0111000148	Cơ sở điều khiển tự động	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
36	011100014802	0111000148	Cơ sở điều khiển tự động	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
37	010100021001	0101000210	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
38	010100021002	0101000210	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
39	010100021003	0101000210	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
40	010100085601	0101000856	Công nghệ phần mềm	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
41	010100085602	0101000856	Công nghệ phần mềm	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
42	010100085603	0101000856	Công nghệ phần mềm	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
43	010100085604	0101000856	Công nghệ phần mềm	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
44	010100085605	0101000856	Công nghệ phần mềm	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
45	030100060801	0301000608	Công tác an ninh hàng không	3	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
46	030100060601	0301000606	Công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ tại Cảng hàng không sân bay	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Khai thác Hàng không	
47	030100032301	0301000323	Dẫn đường hàng không	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
48	010100012401	0101000124	Dẫn luận phương pháp khoa học	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
49	010100012402	0101000124	Dẫn luận phương pháp khoa học	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
50	010100148901	0101001489	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	
51	010100148801	0101001488	Dịch vụ khách hàng	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	
52	010200003601	0102000036	Dịch vụ không lưu	3	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
53	011100003601	0111000036	Dịch vụ không lưu	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	
54	010800067601	0108000676	Dịch vụ kiểm soát đường dài	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
55	030100067601	0301000676	Dịch vụ kiểm soát đường dài	3	25	40	Đang lên kế hoạch	22CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
56	030100067501	0301000675	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	3	25	40	Đang lên kế hoạch	22CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
57	010200004001	0102000040	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	2	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
58	011100004001	0111000040	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	
59	010800071801	0108000718	Điện - điện tử tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
60	010100087101	0101000871	Điện toán đám mây	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
61	010100087102	0101000871	Điện toán đám mây	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	

62	011100010101	0111000101	Điện tử số	3	40	72	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
63	011100014501	0111000145	Điện tử thông tin	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
64	011100014502	0111000145	Điện tử thông tin	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
65	010100086401	0101000864	Đồ án chuyên ngành	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
66	010100086402	0101000864	Đồ án chuyên ngành	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
67	010100085101	0101000851	Đồ án cơ sở ngành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
68	010100085102	0101000851	Đồ án cơ sở ngành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
69	010100085103	0101000851	Đồ án cơ sở ngành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
70	010100085104	0101000851	Đồ án cơ sở ngành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
71	010100085105	0101000851	Đồ án cơ sở ngành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
72	011100089601	0111000896	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
73	011100089602	0111000896	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
74	010800073301	0108000733	Đồ án môn học 1	2	20	24	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
75	010800073302	0108000733	Đồ án môn học 1	2	20	24	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
76	011100006001	0111000060	Đồ án môn học 1	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
77	011100006002	0111000060	Đồ án môn học 1	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
78	011100006701	0111000067	Đồ án môn học 2	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
79	011100006702	0111000067	Đồ án môn học 2	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
80	011100006703	0111000067	Đồ án môn học 2	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
81	011100116601	0111001166	Đồ án nền móng	1	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
82	010800007901	0108000079	Đồ án tốt nghiệp	9	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
83	010800007902	0108000079	Đồ án tốt nghiệp	9	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Khai thác Hàng không	
84	010100085901	0101000859	Đồ họa máy tính	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
85	010100085902	0101000859	Đồ họa máy tính	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
86	010100085903	0101000859	Đồ họa máy tính	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
87	010100085904	0101000859	Đồ họa máy tính	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
88	010100085905	0101000859	Đồ họa máy tính	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
89	010100092801	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	
90	010100092802	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
91	010100092803	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
92	010100092804	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
93	010100092805	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
94	010100092806	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
95	010100092807	0101000928	Đọc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	

96	010100092808	0101000928	Độc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
97	010100092809	0101000928	Độc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
98	010100092810	0101000928	Độc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
99	010100092811	0101000928	Độc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
100	010100092812	0101000928	Độc - Viết 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	
101	010100093101	0101000931	Độc - Viết 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
102	010100093102	0101000931	Độc - Viết 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
103	010100093103	0101000931	Độc - Viết 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
104	010100093104	0101000931	Độc - Viết 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
105	010800067001	0108000670	Động cơ tua-bin khí 1	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
106	030100062801	0301000628	Động cơ và hệ thống tàu bay	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
107	010100141101	0101001411	Du lịch sinh thái	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
108	010100141102	0101001411	Du lịch sinh thái	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
109	010100158801	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	62	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01	Khoa Cơ bản	
110	010100158802	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	62	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03	Khoa Cơ bản	
111	010100158803	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	62	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT04	Khoa Cơ bản	
112	010100158804	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01	Khoa Cơ bản	
113	010100158805	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT02	Khoa Cơ bản	
114	010100158806	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07	Khoa Cơ bản	
115	010100158807	0101001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT09	Khoa Cơ bản	
116	011100158801	0111001588	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Cơ bản	
117	010100023302	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01	Khoa Cơ bản	
118	010100023303	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL02	Khoa Cơ bản	
119	010100023304	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03	Khoa Cơ bản	
120	010100023305	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	
121	011100023301	0111000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHBT01	Khoa Cơ bản	
122	011100023302	0111000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01	Khoa Cơ bản	
123	011100023303	0111000233	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	
124	010100023301	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01	Khoa Cơ bản	
125	010100023306	0101000233	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Cơ bản	
126	010100002201	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL02	Khoa Cơ bản	
127	010100002202	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Cơ bản	
128	010100002203	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01	Khoa Cơ bản	
129	010100002204	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01	Khoa Cơ bản	

130	010100002205	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV02	Khoa Cơ bản	
131	010100002206	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV03	Khoa Cơ bản	
132	010100002207	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV04	Khoa Cơ bản	
133	010100002208	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV05	Khoa Cơ bản	
134	010100002209	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01	Khoa Cơ bản	
135	010100002210	0101000022	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT06	Khoa Cơ bản	
136	010100002001	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	50	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01	Khoa Cơ bản	
137	010100002002	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Cơ bản	
138	010100002003	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Cơ bản	
139	010100002004	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Cơ bản	
140	010100002005	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Cơ bản	
141	010100002006	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Cơ bản	
142	010100002007	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Cơ bản	
143	010100002008	0101000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Cơ bản	
144	011100002001	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL03	Khoa Cơ bản	
145	011100002002	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	
146	011100002003	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01	Khoa Cơ bản	
147	011100002004	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01	Khoa Cơ bản	
148	011100002005	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Cơ bản	
149	011100002006	0111000020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Cơ bản	
150	010100008302	0101000083	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT02	Khoa Cơ bản	
151	010100008309	0101000083	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT03	Khoa Cơ bản	
152	010100008310	0101000083	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT04	Khoa Cơ bản	
153	010100008316	0101000083	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT09	Khoa Cơ bản	
154	010100018701	0101000187	Giao tiếp kinh doanh	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	
155	010100018702	0101000187	Giao tiếp kinh doanh	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
156	030100061001	0301000610	Hàng hóa nguy hiểm	2	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
157	010100044701	0101000447	Hành vi tổ chức	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	
158	030100066801	0301000668	Hệ thống cơ khí tàu bay 2	2	20	40	Đang lên kế hoạch	22CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
159	011100043402	0111000434	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	40	75	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT01; 20ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
160	010200084001	0102000840	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
161	011100084001	0111000840	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
162	030100068401	0301000684	Hệ thống điện tử tàu bay	3	20	40	Đang lên kế hoạch	22CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
163	011100144201	0111001442	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01	Khoa Điện - Điện tử	

164	011100144202	0111001442	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL02	Khoa Điện - Điện tử	
165	011100144203	0111001442	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL03	Khoa Điện - Điện tử	
166	011100016401	0111000164	Hệ thống SCADA	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
167	011100016402	0111000164	Hệ thống SCADA	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
168	011100073001	0111000730	Hệ thống thông tin hàng không	3	40	75	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT01; 20ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
169	011100002401	0111000024	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	
170	011100002402	0111000024	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	
171	011100002403	0111000024	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
172	011100116301	0111001163	Hình họa vẽ kỹ thuật F2	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
173	010100093901	0101000939	Hình vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
174	010100093902	0101000939	Hình vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
175	010100093903	0101000939	Hình vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
176	010100093904	0101000939	Hình vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
177	011100114701	0111001147	Hóa học ứng dụng	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
178	010100119101	0101001191	Hoạch định và tuyển dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
179	010100119102	0101001191	Hoạch định và tuyển dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	
180	011100088401	0111000884	IOT(Internet Of Things)	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
181	011100088402	0111000884	IOT(Internet Of Things)	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
182	010100021901	0101000219	Kế toán dịch vụ du lịch	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
183	010100074901	0101000749	Kế toán quản trị	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	
184	011100105401	0111001054	Kết cấu Hàng không 1	3	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
185	011100105402	0111001054	Kết cấu Hàng không 1	3	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
186	011100117001	0111001170	Kết cấu thép	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
187	010100087301	0101000873	Khai thác dữ liệu	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
188	010100087302	0101000873	Khai thác dữ liệu	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
189	010100013701	0101000137	Khai thác thương mại tàu bay	3	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
190	010100013702	0101000137	Khai thác thương mại tàu bay	3	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
191	010200013701	0102000137	Khai thác thương mại tàu bay	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
192	010800071301	0108000713	Khai thác và quản lý tàu bay	3	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
193	010800071401	0108000714	Khí động học nâng cao	3	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
194	030100059901	0301000599	Khí động lực học cơ bản	2	40	40	Đang lên kế hoạch	23CĐKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
195	011100002901	0111000029	Khí tượng hàng không	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	
196	030100136901	0301001369	Kiểm tra băng công tử và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
197	030100136101	0301001361	Kiểm tra giấy tờ an ninh hàng không đối với hành khách đi tàu bay, người vào khu vực hạn chế	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	

198	030100100301	0301001003	Kiểm tra trực quan	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22CDAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
199	011100156401	0111001564	Kiến tập	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
200	011100156402	0111001564	Kiến tập	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
201	010100051001	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
202	010100051002	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
203	010100051003	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
204	010100051004	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
205	010100051006	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
206	010100051007	0101000510	Kiến trúc máy tính	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	
207	010100074704	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01; 23ĐHTT02; 23ĐHTT03	Khoa Cơ bản	
208	010100074707	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT04; 23ĐHTT05; 23ĐHTT06	Khoa Cơ bản	
209	010100074708	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01; 23ĐHDL02; 23ĐHDL03	Khoa Cơ bản	
210	010100074710	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV04; 23ĐHKV05	Khoa Cơ bản	
211	010100074711	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01; 23ĐHKV02; 23ĐHKV03	Khoa Cơ bản	
212	010100074712	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07; 23ĐHQT08; 23ĐHQT09	Khoa Cơ bản	
213	010100074713	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT04; 23ĐHQT05; 23ĐHQT06	Khoa Cơ bản	
214	010100074714	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01; 23ĐHQT02; 23ĐHQT03	Khoa Cơ bản	
215	010100074715	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	
216	010100074716	0101000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01; 23ĐHNL02	Khoa Cơ bản	
217	011100074701	0111000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	
218	011100074702	0111000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01; 23ĐHĐT01; 23ĐHXD01	Khoa Cơ bản	
219	011100074703	0111000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01; 23ĐHKL02; 23ĐHKL03	Khoa Cơ bản	
220	011100074704	0111000747	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	40	200	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01; 23ĐHKT02; 23ĐHKT03	Khoa Cơ bản	
221	010100022401	0101000224	Kinh tế du lịch	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
222	010100022402	0101000224	Kinh tế du lịch	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
223	010100022403	0101000224	Kinh tế du lịch	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
224	010200010901	0102000109	Kinh tế lượng	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
225	010100046201	0101000462	Kinh tế vận tải hàng không	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	
226	010100010501	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	
227	010100010502	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	
228	010100010503	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	
229	010100010504	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	
230	010100010505	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV05	Khoa Kinh tế Hàng không	
231	010100010506	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	

232	010100010507	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT02	Khoa Kinh tế Hàng không	
233	010100010508	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT03	Khoa Kinh tế Hàng không	
234	010100010509	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT05	Khoa Kinh tế Hàng không	
235	010100010510	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT04	Khoa Kinh tế Hàng không	
236	010100010511	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT06	Khoa Kinh tế Hàng không	
237	010100010512	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07	Khoa Kinh tế Hàng không	
238	010100010513	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT08	Khoa Kinh tế Hàng không	
239	010100010514	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT09	Khoa Kinh tế Hàng không	
240	010100010516	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	
241	010100010517	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	
242	010100010518	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03	Khoa Kinh tế Hàng không	
243	010100010519	0101000105	Kinh tế vĩ mô	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	
244	010100010515	0101000105	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	40	50	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
245	011100116901	0111001169	Kinh tế xây dựng	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
246	010100094501	0101000945	Kỹ năng đàm phán	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Kinh tế Hàng không	
247	010100094502	0101000945	Kỹ năng đàm phán	2	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Kinh tế Hàng không	
248	010100094503	0101000945	Kỹ năng đàm phán	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	
249	030100024501	0301000245	Kỹ năng giao tiếp	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
250	030100024502	0301000245	Kỹ năng giao tiếp	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
251	010100094901	0101000949	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	3	30	32	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Ngoại ngữ	
252	010100094904	0101000949	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	3	30	32	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Ngoại ngữ	
253	030100132001	0301001320	Kỹ năng giao tiếp và văn hóa an ninh hàng không	3	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Kinh tế Hàng không	
254	010100094201	0101000942	Kỹ năng Thuyết trình	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Ngoại ngữ	
255	010100094202	0101000942	Kỹ năng Thuyết trình	2	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
256	011100009501	0111000095	Kỹ thuật lập trình	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	
257	011100009502	0111000095	Kỹ thuật lập trình	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	
258	011100009503	0111000095	Kỹ thuật lập trình	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	
259	011100036801	0111000368	Kỹ thuật siêu cao tần	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01; 22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
260	011100065001	0111000650	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	3	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
261	011100065002	0111000650	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	3	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
262	011100117101	0111001171	Kỹ thuật thi công cơ bản	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
263	011100014701	0111000147	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
264	011100014702	0111000147	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
265	030100069201	0301000692	Làm thủ tục tại quầy hàng không	4	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	

266	030100069202	0301000692	Làm thủ tục tại quầy hàng không	4	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
267	010100096601	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
268	010100096602	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
269	010100096603	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
270	010100096604	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
271	010100096605	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	
272	010100096606	0101000966	Lập trình cơ bản	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
273	010100087201	0101000872	Lập trình Python	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
274	010100087202	0101000872	Lập trình Python	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
275	010100052401	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	200	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01; 22ĐHTT02; 22ĐHTT03	Khoa Cơ bản	
276	010100052403	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	200	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT04; 22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Cơ bản	
277	010100052404	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	120	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01; 22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
278	010100052405	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	140	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01; 22ĐHNL02	Khoa Cơ bản	
279	010100052406	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	140	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH; 22ĐHKVLĐ;	Khoa Cơ bản	
280	010100052407	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	210	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC4; 22ĐHQTTH;	Khoa Cơ bản	
281	010100052408	0101000524	Lịch sử Đảng	2	40	210	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1; 22ĐHQT2; 22ĐHQT3	Khoa Cơ bản	
282	011100052401	0111000524	Lịch sử Đảng	2	40	140	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01; 22ĐHKL02	Khoa Cơ bản	
283	011100052402	0111000524	Lịch sử Đảng	2	40	120	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Cơ bản	
284	010100010203	0101000102	Luật kinh tế	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07; 23ĐHQT08	Khoa Cơ bản	
285	010100010205	0101000102	Luật kinh tế	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01; 23ĐHQT06	Khoa Cơ bản	
286	010100010207	0101000102	Luật kinh tế	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT03; 23ĐHQT04	Khoa Cơ bản	
287	010100010208	0101000102	Luật kinh tế	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01; 23ĐHQT09	Khoa Cơ bản	
288	010100010209	0101000102	Luật kinh tế	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT02; 23ĐHQT05	Khoa Cơ bản	
289	010200011001	0102000110	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
290	010100017701	0101000177	Lý thuyết xác suất - thống kê	4	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV05	Khoa Công nghệ thông tin	
291	010100017702	0101000177	Lý thuyết xác suất - thống kê	4	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV03	Khoa Công nghệ thông tin	
292	010100017703	0101000177	Lý thuyết xác suất - thống kê	4	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV04	Khoa Công nghệ thông tin	
293	010100017704	0101000177	Lý thuyết xác suất - thống kê	4	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01	Khoa Công nghệ thông tin	
294	010100017705	0101000177	Lý thuyết xác suất - thống kê	4	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV02	Khoa Công nghệ thông tin	
295	011100009601	0111000096	Mạch điện từ 1	3	40	72	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
296	011100009602	0111000096	Mạch điện từ 1	3	40	55	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
297	011100009603	0111000096	Mạch điện từ 1	3	40	55	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
298	010100018501	0101000185	Marketing Cảng hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	
299	010100018502	0101000185	Marketing Cảng hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	

300	010100018503	0101000185	Marketing Cảng hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	
301	010100018504	0101000185	Marketing Cảng hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	
302	010100013201	0101000132	Marketing hàng không	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
303	010100013202	0101000132	Marketing hàng không	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
304	010200013201	0102000132	Marketing hàng không	2	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
305	010100110301	0101001103	Marketing quốc tế	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	
306	010100110302	0101001103	Marketing quốc tế	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ02	Khoa Kinh tế Hàng không	
307	010100148301	0101001483	Marketing quốc tế	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	
308	010800005501	0108000055	Máy bay trực thăng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
309	011100088501	0111000885	Máy điện	3	40	55	Đang lên kế hoạch	23DHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
310	011100088502	0111000885	Máy điện	3	40	55	Đang lên kế hoạch	23DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
311	011100116501	0111001165	Nền móng	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
312	010100092301	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	
313	010100092302	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
314	010100092303	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
315	010100092304	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
316	010100092305	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	
317	010100092306	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
318	010100092307	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
319	010100092308	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
320	010100092309	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
321	010100092310	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
322	010100092311	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
323	010100092312	0101000923	Nghe - Nói 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
324	010100092601	0101000926	Nghe - Nói 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
325	010100092602	0101000926	Nghe - Nói 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
326	010100092603	0101000926	Nghe - Nói 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
327	010100092604	0101000926	Nghe - Nói 5	3	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
328	010100022101	0101000221	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
329	010100102001	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
330	010100102002	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
331	010100102003	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
332	010100102004	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	
333	010100102005	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	

334	010100102006	0101001020	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
335	010100092001	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
336	010100092002	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	
337	010100092003	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
338	010100092004	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
339	010100092006	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
340	010100092007	0101000920	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Trung 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
341	010100093801	0101000938	Ngữ âm và Âm vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
342	010100093802	0101000938	Ngữ âm và Âm vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
343	010100093803	0101000938	Ngữ âm và Âm vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
344	010100093804	0101000938	Ngữ âm và Âm vị học	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
345	010100093301	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
346	010100093302	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
347	010100093303	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	
348	010100093304	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
349	010100093305	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
350	010100093306	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	
351	010100093307	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
352	010100093308	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
353	010100093309	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
354	010100093310	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
355	010100093311	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
356	010100093312	0101000933	Ngữ pháp 2	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
357	010100010702	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHQQT02; 23ĐHQQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	
358	010100010704	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHQQT04; 23ĐHQQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	
359	010100010706	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHQQT06; 23ĐHQQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	
360	010100010707	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHQQT08; 23ĐHQQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	
361	010100010710	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHQQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
362	010100010712	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	
363	010100010713	0101000107	Nguyên lý kế toán	3	40	120	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01; 23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
364	010100010711	0101000107	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	40	50	Đang lên kế hoạch	23ĐAQTT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
365	010100147001	0101001470	Nhập môn Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	
366	010100060102	0101000601	Pháp luật hàng không	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01; 23ĐHTT02	Khoa Cơ bản	
367	010100060103	0101000601	Pháp luật hàng không	2	40	138	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03; 23ĐHTT04	Khoa Cơ bản	

368	010100060107	0101000601	Pháp luật hàng không	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT05; 23ĐHTT06	Khoa Cơ bản	
369	011100001303	0111000013	Pháp luật hàng không	2	40	140	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01; 23ĐHKL02; 23ĐHKL03	Khoa Cơ bản	
370	030100001301	0301000013	Pháp luật hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Cơ bản	
371	030100060101	0301000601	Pháp luật hàng không	2	40	70	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01; 23CĐKL01	Khoa Cơ bản	
372	010800073501	0108000735	Pháp luật hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKT01	Khoa Cơ bản	
373	010100093601	0101000936	Phiên dịch	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
374	010100093602	0101000936	Phiên dịch	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
375	010100093603	0101000936	Phiên dịch	2	35	37	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
376	030100064301	0301000643	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
377	030100064302	0301000643	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
378	010100040601	0101000406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Xây dựng	
379	010100040602	0101000406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Xây dựng	
380	011100040601	0111000406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Xây dựng	
381	011100040602	0111000406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Xây dựng	
382	030100029101	0301000291	Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
383	030100029102	0301000291	Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
384	030100099201	0301000992	Quản lý bảo dưỡng	3	20	40	Đang lên kế hoạch	22CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
385	010200013501	0102000135	Quản lý khai thác mặt đất	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
386	010100055401	0101000554	Quản trị ẩm thực	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Quản trị kinh doanh	
387	010100011501	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	
388	010100011502	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
389	010100011504	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC3; 22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	
390	010100011506	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1; 22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	
391	010100011508	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT1; 22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	
392	010100011509	0101000115	Quản trị chiến lược	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	
393	010100123001	0101001230	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - Khách sạn	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
394	010100123002	0101001230	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch - Khách sạn	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
395	010100023901	0101000239	Quản trị doanh thu VTHK	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
396	010100023902	0101000239	Quản trị doanh thu VTHK	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
397	010100011201	0101000112	Quản trị dự án	3	40	107	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1; 21ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	
398	010100011203	0101000112	Quản trị dự án	3	40	107	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3; 21ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	
399	010100011205	0101000112	Quản trị dự án	3	40	107	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTH1; 21ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	
400	010100011206	0101000112	Quản trị dự án	3	40	100	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	
401	010200011201	0102000112	Quản trị dự án	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	

402	010100140901	0101001409	Quản trị du lịch MICE	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
403	010100140902	0101001409	Quản trị du lịch MICE	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
404	010100021701	0101000217	Quản trị hàng lữ hành	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Quản trị kinh doanh	
405	010100012001	0101000120	Quản trị Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	
406	010100012002	0101000120	Quản trị Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	
407	010100012003	0101000120	Quản trị Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	
408	010100012004	0101000120	Quản trị Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	
409	010100012005	0101000120	Quản trị Logistics	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTH1	Khoa Kinh tế Hàng không	
410	010200012001	0102000120	Quản trị Logistics	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐVQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
411	010100149701	0101001497	Quản trị Logistics & Chuỗi cung ứng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ02	Khoa Quản trị kinh doanh	
412	010100149702	0101001497	Quản trị Logistics & Chuỗi cung ứng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ01	Khoa Quản trị kinh doanh	
413	010100086001	0101000860	Quản trị mạng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
414	010100086002	0101000860	Quản trị mạng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
415	010100086003	0101000860	Quản trị mạng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
416	010100086004	0101000860	Quản trị mạng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
417	010100086005	0101000860	Quản trị mạng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
418	010100011901	0101000119	Quản trị Marketing	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
419	010100011902	0101000119	Quản trị Marketing	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	
420	010100021501	0101000215	Quản trị nhà hàng khách sạn	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Quản trị kinh doanh	
421	010100008201	0101000082	Quản trị nhân lực	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	
422	010100008202	0101000082	Quản trị nhân lực	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	
423	010100008203	0101000082	Quản trị nhân lực	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	
424	010100008204	0101000082	Quản trị nhân lực	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	
425	010200008201	0102000082	Quản trị nhân lực	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
426	010100012101	0101000121	Quản trị rủi ro	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	
427	010100157701	0101001577	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	
428	010100017101	0101000171	Quản trị tài chính	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1; 22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	
429	010100017103	0101000171	Quản trị tài chính	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT1; 22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	
430	010100017104	0101000171	Quản trị tài chính	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	
431	010100017106	0101000171	Quản trị tài chính	3	40	100	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC3; 22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	
432	010100148401	0101001484	Quản trị thu mua toàn cầu	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	
433	010100148402	0101001484	Quản trị thu mua toàn cầu	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLQ02	Khoa Kinh tế Hàng không	
434	010100017901	0101000179	Quản trị thương mại Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	
435	010100017902	0101000179	Quản trị thương mại Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	

436	010100017903	0101000179	Quản trị thương mại Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	
437	010100017904	0101000179	Quản trị thương mại Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	
438	030100031401	0301000314	Quy tắc bay	2	40	40	Đang lên kế hoạch	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
439	010100018001	0101000180	Quy hoạch Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC1	Khoa Kinh tế Hàng không	
440	010100018002	0101000180	Quy hoạch Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC2	Khoa Kinh tế Hàng không	
441	010100018003	0101000180	Quy hoạch Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC3	Khoa Kinh tế Hàng không	
442	010100018004	0101000180	Quy hoạch Cảng HK	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	
443	030100063001	0301000630	Sân bay	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23CĐKL01	Khoa Xây dựng	
444	010800133901	0108001339	Sử dụng hệ thống giám sát trong công tác điều hành bay	4	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
445	030100061901	0301000619	Sức bền vật liệu	2	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
446	011100116401	0111001164	Sức bền vật liệu 1	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
447	010100110001	0101001100	Tài chính doanh nghiệp	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	
448	010100000601	0101000006	Tâm lý học đại cương	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	
449	010100000602	0101000006	Tâm lý học đại cương	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01	Khoa Cơ bản	
450	010100000603	0101000006	Tâm lý học đại cương	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL02	Khoa Cơ bản	
451	010100000604	0101000006	Tâm lý học đại cương	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03	Khoa Cơ bản	
452	030100060501	0301000605	Tàu bay	2	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
453	030100060502	0301000605	Tàu bay	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Khai thác Hàng không	
454	010100046101	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	
455	010100046102	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	
456	010100046103	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	
457	010100046104	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	74	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	
458	010100046105	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	
459	010100046106	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	
460	010100046107	0101000461	Thanh toán quốc tế	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	
461	010200011801	0102000118	Thanh toán quốc tế	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
462	011100014201	0111000142	Thí nghiệm điện tử số	1	30	36	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
463	011100014202	0111000142	Thí nghiệm điện tử số	1	30	36	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
464	011100139601	0111001396	Thí nghiệm KTHK 1	2	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
465	011100139602	0111001396	Thí nghiệm KTHK 1	2	40	55	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
466	011100042801	0111000428	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
467	011100042802	0111000428	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
468	011100042803	0111000428	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
469	011100042804	0111000428	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	

470	011100042805	0111000428	Thí nghiệm truyền số liệu và mạng máy tính	2	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
471	010100099801	0101000998	Thị trường chứng khoán	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	
472	010200142401	0102001424	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	2	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
473	011100142401	0111001424	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	
474	010100021301	0101000213	Thiết kế điều hành tour	2	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTDL	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
475	010800081801	0108000818	Thiết kế phương thức bay	4	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
476	011100015301	0111000153	Thông tin số	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
477	011100015302	0111000153	Thông tin số	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
478	030100102801	0301001028	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	3	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
479	010800102901	0108001029	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
480	011100142501	0111001425	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	
481	010800006801	0108000068	Thực hành dịch vụ kiểm soát đường dài (không có hệ thống giám sát)	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
482	030100006801	0301000068	Thực hành dịch vụ kiểm soát đường dài (không có hệ thống giám sát)	4	25	40	Đang lên kế hoạch	22CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
483	010800032501	0108000325	Thực hành dịch vụ Kiểm soát tiếp cận (không có hệ thống giám sát)	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
484	030100032501	0301000325	Thực hành dịch vụ Kiểm soát tiếp cận (không có hệ thống giám sát)	4	25	40	Đang lên kế hoạch	22CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
485	011100089401	0111000894	Thực hành điện tử công suất	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
486	011100089402	0111000894	Thực hành điện tử công suất	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
487	011100089403	0111000894	Thực hành điện tử công suất	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
488	011100103101	0111001031	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	2	20	35	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
489	011100103102	0111001031	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	2	20	35	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
490	011100103103	0111001031	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	2	20	35	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
491	011100091701	0111000917	Thực hành kỹ thuật điện tử	2	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
492	011100091702	0111000917	Thực hành kỹ thuật điện tử	2	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
493	011100091703	0111000917	Thực hành kỹ thuật điện tử	2	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
494	011100103201	0111001032	Thực hành PLC	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
495	011100103202	0111001032	Thực hành PLC	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
496	011100103203	0111001032	Thực hành PLC	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	
497	011100103204	0111001032	Thực hành PLC	2	30	30	Đang lên kế hoạch	21ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	
498	011100117201	0111001172	Thực tập địa chất công trình	1	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
499	010100035601	0101000356	Thực tập doanh nghiệp	3	40	64	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Điện - Điện tử	
500	010100035602	0101000356	Thực tập doanh nghiệp	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Điện - Điện tử	
501	011100035601	0111000356	Thực tập doanh nghiệp	6	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
502	011100035602	0111000356	Thực tập doanh nghiệp	6	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
503	010800067101	0108000671	Thực tập tốt nghiệp	5	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	

504	010800067102	0108000671	Thực tập tốt nghiệp	6	40	70	Đang lên kế hoạch	20ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
505	030100051401	0301000514	Thực tập tốt nghiệp	4	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM01	Khoa Khai thác Hàng không	
506	030100051402	0301000514	Thực tập tốt nghiệp	4	40	50	Đang lên kế hoạch	22CĐTM02	Khoa Khai thác Hàng không	
507	030100067101	0301000671	Thực tập tốt nghiệp	4	20	40	Đang lên kế hoạch	22CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
508	011100116701	0111001167	Thủy lực	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
509	030100059701	0301000597	Tiếng Anh	5	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Ngoại ngữ	
510	010100106101	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01; 23ĐHTT02	Khoa Ngoại ngữ	
511	010100106103	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03; 23ĐHTT04	Khoa Ngoại ngữ	
512	010100106105	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT05; 23ĐHTT06	Khoa Ngoại ngữ	
513	010100106106	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01; 23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	
514	010100106108	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Ngoại ngữ	
515	010100106109	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01; 23ĐHKV02	Khoa Ngoại ngữ	
516	010100106110	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV05	Khoa Ngoại ngữ	
517	010100106111	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV03; 23ĐHKV04	Khoa Ngoại ngữ	
518	010100106112	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT09	Khoa Ngoại ngữ	
519	010100106113	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07; 23ĐHQT08	Khoa Ngoại ngữ	
520	010100106114	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT05; 23ĐHQT06	Khoa Ngoại ngữ	
521	010100106115	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT03; 23ĐHQT04	Khoa Ngoại ngữ	
522	010100106116	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01; 23ĐHQT02	Khoa Ngoại ngữ	
523	010100106117	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Ngoại ngữ	
524	010100106118	0101001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHNL01; 23ĐHNL02	Khoa Ngoại ngữ	
525	011100106101	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	
526	011100106102	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	
527	011100106103	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	
528	011100106104	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKL02; 23ĐHKL03	Khoa Ngoại ngữ	
529	011100106105	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Ngoại ngữ	
530	011100106106	0111001061	Tiếng Anh 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01; 23ĐHKT02	Khoa Ngoại ngữ	
531	010200111901	0102001119	Tiếng Anh 3	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01; 22ĐVQT01	Khoa Ngoại ngữ	
532	011100111901	0111001119	Tiếng Anh 3	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	
533	010100112001	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT01; 22ĐHTT02	Khoa Ngoại ngữ	
534	010100112002	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT03; 22ĐHTT04	Khoa Ngoại ngữ	
535	010100112003	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTT05; 22ĐHTT06	Khoa Ngoại ngữ	
536	010100112004	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHDL01; 22ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
537	010100112005	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHNL01; 22ĐHNL02	Khoa Ngoại ngữ	

538	010100112006	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVKH; 22ĐHKVLQ01	Khoa Ngoại ngữ	
539	010100112007	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ; 22ĐHKVLQ02	Khoa Ngoại ngữ	
540	010100112008	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC3; 22ĐHQTC4	Khoa Ngoại ngữ	
541	010100112009	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT1; 22ĐHQTVT2	Khoa Ngoại ngữ	
542	010100112010	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTTH	Khoa Ngoại ngữ	
543	010100112012	0101001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1; 22ĐHQTC2	Khoa Ngoại ngữ	
544	011100112001	0111001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01; 21ĐHĐT02	Khoa Ngoại ngữ	
545	011100112002	0111001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01; 22ĐHĐT02	Khoa Ngoại ngữ	
546	011100112003	0111001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	
547	011100112004	0111001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	
548	011100112005	0111001120	Tiếng Anh 4	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHKT01; 22ĐHKT02	Khoa Ngoại ngữ	
549	030100024901	0301000249	Tiếng Anh chuyên ngành- ANHK	4	40	40	Đang lên kế hoạch	22CĐAN01	Khoa Ngoại ngữ	
550	010100122301	0101001223	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
551	010100122401	0101001224	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	35	35	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
552	010100095301	0101000953	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
553	010100095401	0101000954	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	35	35	Đang lên kế hoạch	21ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	
554	010100095001	0101000950	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	30	32	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Ngoại ngữ	
555	010100095002	0101000950	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	30	32	Đang lên kế hoạch	21ĐHNATM	Khoa Ngoại ngữ	
556	010100094601	0101000946	Tiếng Anh thương mại 1	3	30	33	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	
557	010100094602	0101000946	Tiếng Anh thương mại 1	3	30	33	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
558	010100094603	0101000946	Tiếng Anh thương mại 1	3	30	34	Đang lên kế hoạch	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	
559	010100091901	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	
560	010100091902	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	
561	010100091903	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	
562	010100091904	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	
563	010100091905	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	
564	010100091906	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	
565	010100091907	0101000919	Tiếng Việt thực hành	2	40	66	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	
566	010200033001	0102000330	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
567	011100033001	0111000330	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
568	030100059401	0301000594	Tin học	3	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Công nghệ thông tin	
569	011100008701	0111000087	Toán chuyên đề	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ02	Khoa Công nghệ thông tin	
570	011100008702	0111000087	Toán chuyên đề	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTĐ01	Khoa Công nghệ thông tin	
571	011100008703	0111000087	Toán chuyên đề	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01	Khoa Công nghệ thông tin	

572	011100008704	0111000087	Toán chuyên đề	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Công nghệ thông tin	
573	011100008705	0111000087	Toán chuyên đề	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Công nghệ thông tin	
574	010100051701	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	
575	010100051702	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	
576	010100051703	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	
577	010100051704	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
578	010100051705	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	
579	010100051707	0101000517	Toán cơ sở	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	
580	011100051701	0111000517	Toán cơ sở	3	40	72	Đang lên kế hoạch	23ĐHĐT01	Khoa Công nghệ thông tin	
581	010100029601	0101000296	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
582	010100029602	0101000296	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	2	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
583	010100123501	0101001235	Tổng quan du lịch	3	40	53	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
584	010100123502	0101001235	Tổng quan du lịch	3	40	53	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
585	010100123503	0101001235	Tổng quan du lịch	3	40	53	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
586	010100000101	0101000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV04	Khoa Kinh tế Hàng không	
587	010100000102	0101000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV05	Khoa Kinh tế Hàng không	
588	010100000103	0101000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	
589	010100000104	0101000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	
590	010100000105	0101000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	
591	011100000101	0111000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Kinh tế Hàng không	
592	011100000102	0111000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Kinh tế Hàng không	
593	011100000103	0111000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
594	030100000102	0301000001	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01; 23CĐKL01	Khoa Kinh tế Hàng không	
595	030100059801	0301000598	Tổng quan về hàng không dân dụng	3	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Kinh tế Hàng không	
596	010100054801	0101000548	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)	3	40	50	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	
597	010100105301	0101001053	Tour nhập môn ngành du lịch lữ hành	2	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
598	010100105302	0101001053	Tour nhập môn ngành du lịch lữ hành	2	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
599	010100105303	0101001053	Tour nhập môn ngành du lịch lữ hành	2	20	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHDL02	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
600	011100116801	0111001168	Trắc địa công trình	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
601	011100115001	0111001150	Trắc địa đại cương	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
602	010100074601	0101000746	Triết học Mác Lênin	3	40	210	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA04; 23ĐHNA05; 23ĐHNA06; 23ĐHNA07	Khoa Cơ bản	
603	010100074602	0101000746	Triết học Mác Lênin	3	40	210	Đang lên kế hoạch	23ĐHNA01; 23ĐHNA02; 23ĐHNA03	Khoa Cơ bản	
604	010800082101	0108000821	Tự động hóa trong QLHĐB	3	40	60	Đang lên kế hoạch	20ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	
605	010100001601	0101000016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	40	200	Đang lên kế hoạch	22ĐHNAHK; 22ĐHNATM1;	Khoa Cơ bản	

606	010200001601	0102000016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	Đang lên kế hoạch	22ĐVKL01; 22ĐVQT01	Khoa Cơ bản	
607	011100001601	0111000016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	40	140	Đang lên kế hoạch	22ĐHTĐ01; 22ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	
608	011100001602	0111000016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	40	140	Đang lên kế hoạch	22ĐHKL02; 22ĐHXD01	Khoa Cơ bản	
609	030100026201	0301000262	Tuần tra và canh gác	3	40	40	Đang lên kế hoạch	22CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
610	030100060901	0301000609	Vận chuyển hàng không	2	20	30	Đang lên kế hoạch	23CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
611	010100012301	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
612	010100012302	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	
613	010100012303	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	
614	010100012304	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	
615	010100012305	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	
616	010100012306	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	
617	010100012307	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	
618	010100012308	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	
619	010100012309	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	
620	010100012310	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	
621	010100012312	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	
622	010100012313	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	
623	010100012314	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	
624	010100012315	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	
625	010100012316	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	
626	010100012317	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp	2	40	74	Đang lên kế hoạch	22ĐHQTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	
627	010100012311	0101000123	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	
628	010100014001	0101000140	Vận tải hàng hóa HK	3	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT1	Khoa Kinh tế Hàng không	
629	010100014002	0101000140	Vận tải hàng hóa HK	3	40	62	Đang lên kế hoạch	21ĐHQTVT2	Khoa Kinh tế Hàng không	
630	010100146901	0101001469	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	40	60	Đang lên kế hoạch	22ĐHKVLĐ	Khoa Kinh tế Hàng không	
631	030100075701	0301000757	Vật liệu hàng không	2	30	40	Đang lên kế hoạch	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
632	011100114901	0111001149	Vật liệu xây dựng 1	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23ĐHXD01	Khoa Xây dựng	
633	030100064401	0301000644	Vé hành khách và hành lý	2	40	60	Đang lên kế hoạch	23CĐTM01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	
634	011100067301	0111000673	Vẽ kỹ thuật	2	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
635	011100067302	0111000673	Vẽ kỹ thuật	2	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
636	011100067303	0111000673	Vẽ kỹ thuật	2	40	54	Đang lên kế hoạch	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	
637	030100098901	0301000989	Võ thuật 2	2	40	40	Đang lên kế hoạch	22CĐAN01	Khoa Khai thác Hàng không	
638	010100086901	0101000869	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	
639	010100086902	0101000869	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	40	50	Đang lên kế hoạch	21ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	

640	011100014401	0111000144	Xử lý số tín hiệu	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	
641	011100014402	0111000144	Xử lý số tín hiệu	3	40	60	Đang lên kế hoạch	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
642	011100014403	0111000144	Xử lý số tín hiệu	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	
643	011100014404	0111000144	Xử lý số tín hiệu	3	40	50	Đang lên kế hoạch	22ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	